TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2023

V/v tranh chấp: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Q.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích L**
2. Bà **Võ Thị T.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Q** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **PhanThanh N** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu P**, sinh năm 1981 (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số nhà 14, Tổ 16, khu phố Hiệp T, phường Hiệp T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 02, Khu p, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú hiện nay: Số nhà 14, Tổ 16, khu phố Hiệp T, phường Hiệp T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 18/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu P trình bày*:

Về hôn nhân: Chị P và anh T chung sống với nhau từ năm 2000 do tự nguyện, đến ngày 24/4/2002 thì chị P và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Đ, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung

thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, anh T thường xuyên uống rượu, không chăm lo cuộc sống gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị P yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 con tên tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 2002; Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2004 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 21/3/2009. Nếu ly hôn, cháu T và cháu D đã thành niên, chị P không yêu cầu giải quyết, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Toà án để dự phiên hoà giải và dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị P, anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị P và anh T chung sống với nhau từ năm 2000 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, anh T thường xuyên uống rượu, không chăm sóc vợ con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị P yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối với yêu cầu ly hôn của chị P nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết mâu thuẫn là không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ.

Về con chung: Cháu T và cháu D đã thành niên, chị P không yêu cầu giải quyết. Cháu K có nguyện vọng sống với chị P nên giao cháu K cho chị P nuôi dưỡng. Ghi nhận chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị P không yêu cầu giải quyết.

Từ phân tích trên, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu P đối với anh Nguyễn Văn T.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn có nơi cư trú tại số nhà 14, Tổ 16, khu phố Hiệp T, phường Hiệp T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, nguyên đơn là chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị P, anh T là đúng với quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T chung sống với nhau từ năm 2000 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu nhưng thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên uống rượu không chăm lo cuộc sống gia đình, nay chị P cương quyết ly hôn với anh T. Xét thấy, chị P và anh T không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Có 03 con tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 2002; Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2004 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 21/3/2009. Cháu T và cháu D đã thành niên, chị P không yêu cầu giải quyết. Qua làm việc với cháu Khương thì hiện tại cháu đang sống ổn định với chị P và cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ ruột nên cần giao cháu K cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Chị P không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành là hợp lý cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu P đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Nguyễn Thị Thu P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 2002 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2004 đã thành niên, chị P không yêu cầu giải quyết. Giao chị P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 21/3/2009. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị P không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0021538 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị P đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CC.THADS thị xã Hòa Thành;
- UBND xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.